

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 của tỉnh Cà Mau**

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

##### **1. Tổ chức chỉ đạo, điều hành**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, trong đó có một số văn bản trọng tâm sau:

- Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 của tỉnh Cà Mau;

- Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2019 của tỉnh Cà Mau;

- Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 thành lập Đoàn kiểm tra cải cách hành chính và việc thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân giao;

- Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 27/3/2019 về kiểm tra cải cách hành chính và các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao năm 2019 của tỉnh Cà Mau.

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo quyết liệt công tác cải cách hành chính thông qua các cuộc họp định kỳ hàng tháng; các cuộc họp hàng tuần của Tổ công tác liên ngành giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vướng mắc cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; thông qua hoạt động của Tổ công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức Hội nghị công bố ứng dụng Zalo trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở kết quả công bố các chỉ số có liên quan đến công tác cải cách hành chính năm 2018 như: Chỉ số năng lực cạnh tranh xếp hạng 49 (tăng 02 bậc so với năm 2017); Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh xếp hạng 52 (tăng 01 bậc so với năm 2017); Chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp xếp hạng 08 (tăng 18 bậc so với năm 2017), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã xác định rõ những mặt tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, qua đó phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc cải thiện vị trí xếp hạng của các chỉ số trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

Tính đến thời điểm báo cáo, tỉnh đã thực hiện được 14/30 nhiệm vụ theo Kế hoạch đề ra, tỷ lệ 46,47%, còn lại đang trong thời hạn thực hiện.

## 2. Công tác tuyên truyền

Công tác thông tin, tuyên truyền về công tác cải cách hành chính được thực hiện với nhiều hình thức thích hợp, thiết thực như: Tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; lồng ghép vào các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật... Cụ thể, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã phát sóng trên 300 đề tài về cải cách hành chính<sup>1</sup> với tổng thời lượng là 32 giờ 35 phút; Báo Cà Mau và Báo Ảnh Đất Mũi đã đăng trên 40 tin, bài về cải cách hành chính; các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố định kỳ 03 tháng 01 lần tổ chức đối thoại với người dân, doanh nghiệp và thực hiện tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử, Đài Phát thanh của huyện, thành phố.

Bên cạnh đó, Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến bằng các hình ảnh trực quan tại Trung tâm và phát hành tờ tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho người dân, doanh nghiệp. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tiếp tục thực hiện treo khẩu hiệu: *“Sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là mục tiêu phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước”* và khẩu hiệu: *“Trách nhiệm của công chức đối với nhân dân: Đón tiếp niềm nở; hướng dẫn tận tình; giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng, đúng quy định”* tại nơi làm việc và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

### 1. Cải cách thể chế

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 28/12/2018 về công tác xây dựng, tự kiểm tra, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2019; cho chủ trương ban hành 54 văn bản quy phạm pháp luật trong năm 2019, đồng thời có 04 văn bản từ năm 2018 chuyển sang.

Trong 6 tháng đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 19/58 văn bản quy phạm pháp luật, tỷ lệ 32,76%; còn 05 văn bản dự kiến ban hành trong quý I, nhưng đến thời điểm báo cáo chưa ban hành (*danh sách cụ thể được nêu tại Phụ 1 kèm theo*); quyết định công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực thi hành định kỳ năm 2018, với 71 quyết định (trong đó: hết hiệu lực toàn bộ 59 văn bản, hết hiệu lực một phần 12 văn bản); công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kỳ 2014 - 2018, với 599 văn bản (trong đó: 312 văn bản còn hiệu lực thi hành; 287 văn bản hết hiệu lực toàn bộ); tự kiểm tra 23 văn bản, tất cả văn bản đều phù hợp.

---

<sup>1</sup> Các đề tài như: Tuyên truyền nhiệm vụ trọng tâm của cải cách hành chính năm 2019; triển khai ứng dụng Zalo trong giải quyết thủ tục hành chính; Ủy ban nhân dân cấp huyện và chính quyền cơ sở với cải cách hành chính; tiếng nói chung trong chỉ đạo thực hiện cải cách hành chính; những giải pháp căn cơ cải cách hành chính tại Đầm Dơi; Ngọc Hiến đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính; xã Phú Hưng với công tác cải cách hành chính, mô hình một cửa đối với Bưu điện văn hóa xã; Cà Mau ứng dụng Zalo trong giải quyết TTHC...

## **2. Cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

### *2.1. Cải cách thủ tục hành chính*

#### *a) Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 57 Quyết định công bố 97 thủ tục hành chính, trong đó có 72 thủ tục ban hành mới; 158 sửa đổi, bổ sung; 122 thủ tục hành chính hủy bỏ, bãi bỏ. Hầu hết thủ tục mới ban hành khi công bố đều được cắt giảm ít nhất 10% thời gian giải quyết so với quy định. Đến nay, tổng số thủ tục hành chính đang thực hiện tại các cấp là 1.986 thủ tục, trong đó cấp tỉnh có 1.519 thủ tục, cấp huyện 306 thủ tục, cấp xã 161 thủ tục.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về đơn giản hóa thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi tiếp tục cắt giảm thời gian giải quyết đối với 30 thủ tục hành chính, tỷ lệ cắt giảm từ 5% đến 30%.

Công tác đối thoại với người dân, doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục quan tâm, thực hiện. Cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị giao ban quý I năm 2019 và họp mặt doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn về thủ tục hành chính, kết quả nhận được 15 ý kiến phản ánh, kiến nghị; 24 đơn vị<sup>2</sup> tổ chức 34 cuộc đối thoại trực tiếp với người dân, doanh nghiệp về thủ tục hành chính, kết quả tiếp nhận trên 300 phản ánh, kiến nghị (tất cả đã được xử lý). Đồng thời, tiếp nhận 05 phản ánh, kiến nghị thông qua số điện thoại đường nóng, báo chí và email, tất cả đã được xử lý theo quy định.

#### *b) Công khai thủ tục hành chính*

Tất cả thủ tục hành chính đang thực hiện tại các cấp được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, đạt 100%. Đồng thời, đăng tải lên dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; niêm yết công khai tại Bộ phận Một cửa của từng cơ quan, đơn vị (riêng đối với các đơn vị cấp tỉnh, các thủ tục hành chính được niêm yết công khai tại Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh).

### *2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông*

Đầu tháng 3 năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức Lễ ký kết Hợp tác khởi đầu cho việc chính thức ứng dụng Zalo vào giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh bao gồm các tính năng sau: Nộp hồ sơ trực tuyến; tra cứu thông tin và kết quả giải quyết thủ tục hành chính; trao đổi, hỏi đáp, phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính; đánh giá mức độ hài lòng đối với cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức. Để triển khai thực hiện, Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Tổ Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ dịch vụ hành chính công qua Zalo. Qua 03 tháng hoạt động, có 5.736 lượt người quan tâm; 103 lượt người trao đổi, hỏi đáp về thủ tục hành chính; 145 lượt người người tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

<sup>2</sup> Gồm các đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; Sở Công Thương; Sở Lao động –TB&XH; Sở Xây dựng; Sở TN&MT; Sở Tài chính; Sở Y tế; Sở GD&ĐT; Sở Văn hóa, TT&DL; Sở Nông nghiệp &PTNT; Sở KH&ĐT; Ban QLKKT; UBND các huyện: Cái Nước, Ngọc Hiển, Đầm Dơi, Trần Văn Thời, U Minh, Phú Tân, Năm Căn, Thới Bình và thành phố Cà Mau.

Đồng thời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định phê duyệt quy trình của 08 đơn vị<sup>3</sup>; chỉ đạo đưa thủ tục hành chính về kéo điện, lắp đặt điện kế và cấp nước về thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã; chỉ đạo Sở Công Thương phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng Quyết định công bố tạm thời thực hiện liên thông thủ tục hành chính về đầu tư đối với dự án của hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh (dự kiến hoàn thành trong quý II năm 2019).

Hoạt động của Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tiếp tục được củng cố. Hiện nay, Trung tâm đang thực hiện tiếp nhận và trả kết quả trên 1.700 thủ tục hành chính của 22 đơn vị. Định kỳ hàng tuần, Trung tâm thực hiện rà soát, thông báo hồ sơ sắp đến hạn trả kết quả để các cơ quan, đơn vị kịp thời xử lý nhằm góp phần hạn chế thấp nhất các trường hợp trễ hạn đối với người dân, doanh nghiệp. Mặt khác, tại nơi tiếp nhận hồ sơ của mỗi sở, ngành tỉnh (được đặt tại Trung tâm) và tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của 09/09 huyện, thành phố đều có bố trí camera giám sát, qua đó Trung tâm có thể phát hiện và đề nghị xử lý kịp thời các trường hợp sai sót hoặc các trường hợp cư xử thiếu chuẩn mực của công chức, viên chức đối với người dân, doanh nghiệp.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân đạt kết quả như sau (số liệu do Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính cập nhật trên phần mềm Một cửa điện tử):

TT	Đơn vị	Số hồ sơ tiếp nhận (cả hồ sơ tồn chuyên sang)	Trong đó hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ còn trong hạn giải quyết	Số hồ sơ đã trả kết quả				
					Tổng số	Hồ sơ trả kết quả sớm và đúng hạn	Tỷ lệ	Hồ sơ trả kết quả trễ hạn	Tỷ lệ
I	Cấp tỉnh	37.180	8.894	2.458	34.722	34.695	99,92%	27	0,08%
II	Cấp huyện	30.851	1.453	3.154	27.697	27.289	98,53%	408	1,47%
III	Cấp xã	82.350	711	944	81.406	81.157	99,69%	249	0,31%

(Kết quả cụ thể của từng đơn vị được nêu tại Phụ lục 2 kèm theo.)

Với kết quả nêu trên, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với việc giải quyết thủ tục hành chính đạt kết quả cụ thể như sau: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính đạt 99,61%; huyện Cái Nước đạt 98,28%; huyện Năm Căn đạt 98,39%; thành phố Cà Mau đạt 99,20%; huyện Phú Tân đạt 93,62%; huyện Thới Bình đạt 99,04%; huyện U Minh đạt 89,13%; huyện Trần Văn Thời đạt 96,43%; huyện Ngọc Hiển đạt 100%; huyện Đầm Dơi đạt 95,45%.

### 3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Việc kiện toàn tổ chức bộ máy: Nhằm tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động cơ quan nhà nước của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban

<sup>3</sup> Gồm các Sở: Y tế; Giao thông vận tải; Văn hóa, thể thao và du lịch; Công Thương; Khoa học và Công nghệ; Thông tin và Truyền thông; Tài chính và Ban Dân tộc.

hành quyết định sắp xếp các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc của 06 đơn vị gồm: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (từ 16 phòng giảm còn 12 phòng); Sở Kế hoạch và Đầu tư (từ 10 phòng giảm còn 09 phòng); Thanh tra tỉnh (từ 06 phòng giảm còn 05 phòng); Sở Tài nguyên và Môi trường (giảm 03 chi cục do chuyên chức năng về các phòng chuyên môn); Sở Tư pháp (từ 07 phòng giảm còn 05 phòng); Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau (từ 08 phòng giảm còn 06 phòng). Đồng thời, thành lập Trung tâm Xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở giải thể Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, giải thể Trung tâm trợ giúp phát triển doanh nghiệp trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư và chuyên chức năng xúc tiến thương mại của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại trực thuộc Sở Công Thương; giải thể Trung tâm Đào tạo lái xe ô tô Cà Mau.

- Biên chế công chức và viên chức: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định giao 2.154 biên chế công chức, giảm 46 biên chế so với năm 2018; giao 21.155 biên chế sự nghiệp, giảm 461 biên chế so với năm 2018. Số lượng công chức hiện có của tỉnh là 2.013; viên chức là 20.486.

#### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

- Thực hiện xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm đối với sự nghiệp giáo dục của 09 huyện, thành phố và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới và hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định bổ nhiệm 02 trường hợp; điều động, bổ nhiệm 02 trường hợp; bổ nhiệm lại 04 trường hợp; nghỉ hưu 04 trường hợp; kiểm điểm trách nhiệm đối với 06 công chức giữ chức vụ lãnh đạo cấp sở và tương đương; thông báo giải quyết tinh giản biên chế đợt I/2019 cho 20 cơ quan, đơn vị với 350 cán bộ, công chức, viên chức.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 ban hành Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019; Quyết định 2066/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 về việc giao chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng năm 2019 của các cơ sở đào tạo; Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Cà Mau. Kết quả, đã thực hiện đào tạo, bồi dưỡng 1.114 lượt cán bộ, công chức, viên chức, tỷ lệ 17,83% so với Kế hoạch đề ra.

Thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện đạt chuẩn theo quy định chiếm tỷ lệ 97,71%; cán bộ lãnh đạo, quản lý từ cấp huyện trở lên đạt chuẩn theo quy định chiếm 99,9% ; cán bộ chuyên trách cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ chiếm 98,71%; công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ chiếm 99,73%.

## 5. Cải cách tài chính công

Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 ban hành Quy định thời gian gửi báo cáo quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán; thời gian thẩm định quyết toán ngân sách cơ quan tài chính các cấp trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt phương án tự chủ tài chính của 03 đơn vị sự nghiệp công lập gồm: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng (mức tự chủ 111%), Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ (mức tự chủ 20%), Trung tâm Phân tích, kiểm nghiệm (mức tự chủ 10,58%); thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng, Ban Chỉ đạo cổ phần Nhà khách Cà Mau, dự kiến hoàn thành trong năm 2019.

## 6. Hiện đại hóa hành chính

### 6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 16/11/2018 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Cà Mau năm 2019. Theo đó, tỉnh sẽ tập trung vào việc xây dựng, hoàn thiện Chính quyền điện tử nhằm nâng cao năng lực quản lý, hiệu quả điều hành trong hoạt động của cơ quan nhà nước hướng đến phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; tăng cường tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động hành chính; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4... Kết quả, tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh đạt một số kết quả sau:

- Việc sử dụng phần mềm VIC tại các cơ quan, đơn vị:

TT	Đơn vị	Tỷ lệ xử lý văn bản đến trên VIC (%)	Tỷ lệ xử lý văn bản đi trên VIC (%)	Tỷ lệ CB, CC sử dụng VIC thường xuyên (%)
1	Cấp tỉnh	100	100	100
2	Cấp huyện	97	96	99

Kết quả cho thấy, chất lượng sử dụng VIC đã được nâng lên rõ nét. Cụ thể, tất cả các sở, ban, ngành tỉnh có tỷ lệ văn bản đi, đến và cán bộ, công chức sử dụng phần mềm VIC thường xuyên đạt 100%; các huyện, thành phố có tỷ lệ xử lý văn bản đi, đến và cán bộ, công chức sử dụng phần mềm VIC đạt trên 96%. Trang Thông tin điện tử của nhiều đơn vị cấp tỉnh hoạt động khá thường xuyên, hiệu quả (kết quả cụ thể của từng đơn vị được nêu tại Phụ lục 3 kèm theo).

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân huyện các huyện: Phú Tân, Ngọc Hiển, Cái Nước đã chủ động đầu tư hệ thống phòng họp trực tuyến cho các đơn vị cấp xã trực thuộc, nâng tổng số đơn vị đã thực hiện đến nay là 7/9 huyện, thành phố (còn thành phố Cà Mau và huyện Đầm Dơi).

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ với tổng số 137 thủ tục. Ngoài ra, triển khai thực hiện thí điểm cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đối với 457 thủ tục hành chính ngoài Danh mục quy định của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả, có 11.058 hồ sơ nộp trực tuyến (6 tháng đầu năm 2018 có 7.830 hồ sơ), trong đó mức độ 3 là 1.427 hồ sơ; mức độ 4 là 9.631 hồ sơ (*kết quả cụ thể của từng đơn vị được nêu tại Phụ lục 2 kèm theo*).

- Dịch vụ bưu chính công ích: Bưu điện tỉnh đã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng và Tân Hưng Đông thuộc huyện Cái Nước tiến hành nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc của Bưu điện văn hóa xã để chuyển Bộ phận Một cửa của 02 đơn vị này về Bưu điện văn hóa nhằm thuận tiện cho việc triển khai dịch vụ bưu chính công ích. Kết quả, bước đầu ghi nhận được sự ủng hộ của người dân, tổ chức tại địa phương do trụ sở được nâng cấp khá khang trang, đầy đủ trang thiết bị và thuận tiện cho người dân trong việc đăng ký trả kết quả tại nhà.

Trong 6 tháng đầu năm, tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh có 3.119 hồ sơ thực hiện dịch vụ trả kết quả tại nhà.

## *6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính*

Có 19/19 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; 9/9 huyện, thành phố và 42/101 đơn vị cấp xã đã công bố quyết định áp dụng thực hiện theo tiêu chuẩn ISO. Dự kiến trong năm 2019, sẽ triển khai ISO điện tử đến tất cả đơn vị hành chính cấp xã.

## **III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Những mặt làm được**

- Công tác cải cách hành chính tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Vì vậy, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh có sự quan tâm, chỉ đạo kỳ quyết đối với công tác này trên tất cả các lĩnh vực.

- Đa số các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kịp thời xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 tại cơ quan, đơn vị; triển khai thực hiện nghiêm các ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính.

- Một số sở, ngành tỉnh triển khai thực hiện khá tốt việc sắp xếp, bố trí lại các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối gắn với tinh giản biên chế.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh như: Ứng dụng Zalo trong giải quyết thủ tục hành chính; triển khai Một cửa điện tử; dịch vụ công trực tuyến; thu phí điện tử... cho thấy phương thức làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh đã có sự đổi mới theo hướng hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội hiện nay, góp phần phục vụ người dân ngày càng tốt hơn.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết sớm và đúng hẹn của các đơn vị trung bình đạt trên 98%; các đơn vị thực hiện tốt việc xin lỗi tổ chức, cá nhân đối với các hồ sơ giải quyết trễ hạn; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt trên 99%.

- Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến và thực hiện dịch vụ bưu chính công ích, bước đầu đã có những chuyển biến tích cực.

## **2. Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân**

### *2.1. Hạn chế, khó khăn*

- Chất lượng soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của một số đơn vị chưa cao; tiến độ tham mưu còn chậm so với quy định.

- Vẫn còn trường hợp giải quyết hồ sơ của cá nhân, tổ chức bị trễ hạn; việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm Một cửa điện tử tại một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế (nhất là cấp xã).

- Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân từng lúc chưa quyết liệt; công tác thông tin, báo cáo chưa kịp thời, chất lượng còn hạn chế.

- Một số sở, ban, ngành tỉnh trong công tác tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công bố thủ tục hành chính, đôi lúc chưa đảm bảo thời gian quy định.

- Vẫn còn trường hợp bố trí công chức, viên chức chưa đúng đề án vị trí việc làm được phê duyệt.

- Việc triển khai dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến tuy có chuyển biến nhưng vẫn còn chậm so với yêu cầu đề ra.

### *2.2. Nguyên nhân*

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ công chức làm công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật còn hạn chế; tinh thần, trách nhiệm đối với công việc chưa cao nên tiến độ tham mưu, chất lượng soạn thảo văn bản chưa đảm bảo.

- Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị thiếu kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở cấp dưới trong quá trình thực hiện công tác cải cách hành chính; chậm xử lý, khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được phát hiện, chỉ đạo xử lý.

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, bưu chính công ích chưa được quan tâm đúng mức; người dân chưa quen sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin hiện đại, nên chưa thật sự hiểu và yên tâm thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng.



#### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019**

1. Tập trung rà soát, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 nhằm hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng các mục tiêu đề ra; xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ hành chính.

2. Đẩy nhanh tiến độ ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo chủ trương phê duyệt, đảm bảo nội dung đúng theo quy định của pháp luật, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để các cấp, các ngành triển khai thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Công bố kịp thời 100% thủ tục hành chính theo quy định; tiếp tục rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhưng phải đảm bảo tính khả thi, hiệu quả; kiến nghị giảm số lượng thành phần hồ sơ và chi phí thực hiện thủ tục hành chính; xử lý nghiêm, kịp thời những cá nhân, đơn vị cố tình gây phiền hà trong thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

4. Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh đến cơ sở; thực hiện nghiêm túc, đúng thực chất việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức; phân công, bố trí công chức, viên chức có chuyên môn phù hợp với đề án vị trí việc làm; thực hiện tinh giản những công chức, viên chức không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không phù hợp với vị trí việc làm; tuyển dụng những người có trình độ chuyên môn phù hợp nhằm tạo sự chuyển biến về tinh thần, trách nhiệm làm việc của công chức, viên chức, nhất là đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

6. Nâng cao hiệu quả và bảo đảm thực hiện đúng các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế và kinh phí đối với các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục, thể thao và các lĩnh vực khác đúng quy định.

7. Tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng sử dụng phần mềm VIC, sử dụng chữ ký số và phần mềm Một cửa điện tử, nhất là đối với các đơn vị cấp xã để đảm bảo tính đồng bộ trên toàn tỉnh; tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về dịch vụ công trực tuyến bằng các hình thức phù hợp, hiệu quả, nhất là việc ứng dụng Zalo trong giải quyết thủ tục hành chính.

8. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở và mạnh dạn, kiên quyết xử lý kịp thời những sai phạm của cá nhân, tổ chức trong thực hiện công tác cải cách hành chính; gắn kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính với việc xem xét, đánh giá, sử dụng và bố trí cán bộ, công chức, viên chức.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 của tỉnh Cà Mau./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Phòng CCHC (KC);
- Lưu: VT, M.A07/6.



**Trần Hồng Quân**

## Phụ lục 1

# DANH SÁCH CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CHO CHỦ TRƯỞNG BAN HÀNH TRONG QUÝ I NĂM 2019 NHƯNG CHƯA HOÀN THÀNH



(Kèm theo Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

\* Lưu ý: Số liệu tính đến ngày 20/5/2019


STT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Trích yếu nội dung văn bản	Số văn bản, ngày có ý kiến chỉ đạo	Đã trình UBND tỉnh
1.	Sở Tài chính	Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống ngân hàng chính sách xã hội	CV số 874/UBND-KT 11/02/2019	X
2.	Sở Xây dựng	Quyết định quy định chi tiết về việc xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Cà Mau	CV số 9938/UBND-NC 18/12/2017 CV số 4041/UBND-XD 30/5/2018 CV số 8329/UBND-XD 22/10/2018	X
3.	Hội Văn học - Nghệ thuật	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xét tặng Giải thưởng Văn học, nghệ thuật Phan Ngọc Hiến tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của UBND tỉnh Cà Mau	CV số 10423/UBND-NC 28/12/2018	X
4.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quy định về công nhận làng nghề và một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Cà Mau	CV số 10046/UBND-NC 17/12/2018	
5.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quy định về trình tự thực hiện thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau	CV số 855/UBND-KT 01/02/2019	

Phụ lục 2

**KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

(Kèm theo Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**I. CẤP TỈNH**



TT	Đơn vị	Số hồ sơ phải xử lý	Số hồ sơ tiếp nhận trong quý	Số hồ sơ tồn chuyển sang	Số hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ xử lý đúng và trước hạn	Hồ sơ xử lý trễ hạn	Ghi chú
1	Sở Thông tin và Truyền thông	15	15	0	1	15	0	
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	348	343	5	2	163	0	
3	Sở Nội vụ	518	505	13	21	499	0	
4	Sở Tư pháp	2,605	2,350	255	104	2,492	16	
5	Sở Xây dựng	494	392	102	0	398	5	
6	Sở Khoa học và Công nghệ	25	25	0	0	25	0	
7	Sở Y tế	865	728	137	7	775	2	
8	Sở Ngoại vụ	91	88	3	9	90	0	
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1,135	1,126	9	156	1,125	1	
10	Sở Tài chính	414	341	73	0	352	0	
11	Sở Công Thương	1,349	1,323	26	270	1,335	0	
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1,595	1,512	83	26	1,566	0	
13	Sở Giao thông vận tải	5,843	4,945	898	48	4,859	0	
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	304	223	81	25	217	0	
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	245	227	18	44	232	0	
16	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	10,366	9,963	403	0	9,727	3	
17	Ban Quản lý Khu kinh tế	42	40	2	0	41	0	
18	Công an tỉnh	152	145	7	0	151	0	
19	Cục Thuế tỉnh	9,367	9,322	45	8,177	9,302	0	
20	Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau	1,184	1,131	53	2	1,119	0	
21	Công ty Điện lực Cà Mau	223	216	7	2	212	0	
22	Ban Dân tộc	0	0	0	0	0	0	
<b>Tổng</b>		<b>37,180</b>	<b>34,960</b>	<b>2,220</b>	<b>8.894</b>	<b>34,695</b>	<b>27</b>	

## II. CẤP HUYỆN

STT	Tên đơn vị	Tổng số hồ sơ phải xử lý	Số hồ sơ tiếp nhận trong quý	Số hồ sơ tồn chuyển sang	Số hồ sơ nộp trực tuyến	Số hồ sơ xử lý đúng hạn	Số hồ sơ xử lý trễ hạn	Ghi chú
1	Thành phố Cà Mau	13,021	12,103	918	39	11,782	295	
2	Huyện Ngọc Hiển	574	558	16	209	533	15	
3	Huyện U Minh	2,182	2,106	76	602	2,025	0	
4	Huyện Đầm Dơi	1,605	1,568	37	53	1,580	0	
5	Huyện Phú Tân	1,770	1,457	313	59	1,402	6	
6	Huyện Thới Bình	3,276	2,970	306	347	3,035	0	
7	Huyện Cái Nước	2,419	2,221	198	131	2,234	12	
8	Huyện Năm Căn	2,052	1,834	218	12	1,704	9	
9	Huyện Trần Văn Thời	3,952	3,161	791	1	2,994	71	
<b>Tổng</b>		<b>30,851</b>	<b>27,978</b>	<b>2,873</b>	<b>1,453</b>	<b>27,289</b>	<b>408</b>	

## III. CẤP XÃ

STT	Tên đơn vị	Tổng số hồ sơ phải xử lý	Số hồ sơ tiếp nhận trong quý	Số hồ sơ tồn chuyển sang	Số hồ sơ nộp trực tuyến	Số hồ sơ xử lý đúng hạn	Số hồ sơ xử lý trễ hạn	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thành phố Cà Mau</b>	<b>26,640</b>	<b>26,595</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>26,570</b>	<b>12</b>	
1	Xã Hòa Thành	699	699	0	0	690	0	
2	Xã Lý Văn Lâm	1,808	1,808	0	0	1,808	0	
3	Xã Định Bình	828	825	3	0	822	1	
4	Xã Hòa Tân	547	545	2	0	546	0	
5	Xã Tác Vân	2,753	2,751	2	0	2,751	0	
6	Xã An Xuyên	650	650	0	0	649	0	
7	Phường Tân Thành	1,292	1,292	0	0	1,292	0	
8	Phường Tân Xuyên	1,143	1,139	4	0	1,139	4	

STT	Tên đơn vị	Tổng số hồ sơ phải xử lý	Số hồ sơ tiếp nhận trong quý	Số hồ sơ tồn chuyển sang	Số hồ sơ nộp trực tuyến	Số hồ sơ xử lý đúng hạn	Số hồ sơ xử lý trễ hạn	Ghi chú
9	Phường 1	1,162	1,162	0	0	1,162	0	
10	Phường 2	1,900	1,899	1	0	1,898	1	
11	Phường 4	1,600	1,599	1	0	1,598	2	
12	Phường 5	9,213	9,199	14	0	9,194	0	
13	Phường 6	244	230	14	0	227	1	
14	Phường 7	951	948	3	0	947	0	
15	Phường 8	846	846	0	0	846	0	
16	Phường 9	355	354	1	0	352	3	
17	Xã Tân Thành	649	649	0	0	649	0	
<b>II</b>	<b>Huyện Ngọc Hiền</b>	<b>2,889</b>	<b>2,745</b>	<b>144</b>	<b>8</b>	<b>2,702</b>	<b>33</b>	
1	Xã Viên An Đông	416	411	5	1	405	6	
2	Xã Đất Mũi	840	837	3	1	834	2	
3	Xã Tân Ân	264	261	3	0	255	0	
4	Xã Tam Giang Tây	577	517	60	1	516	25	
5	Xã Tân Ân Tây	168	166	2	5	166	0	
6	Xã Viên An	117	116	1	0	116	0	
7	Thị trấn Rạch Gốc	507	437	70	0	410	0	
<b>III</b>	<b>Huyện U Minh</b>	<b>5,271</b>	<b>5,259</b>	<b>12</b>	<b>1</b>	<b>5,252</b>	<b>6</b>	
1	Xã Khánh Thuận	1,075	1,075	0	0	1,075	0	
2	Xã Khánh Hòa	363	363	0	0	363	0	
3	Xã Khánh Tiến	589	589	0	0	589	0	
4	Xã Khánh Hội	1,155	1,155	0	1	1,155	0	
5	Xã Nguyễn Phích	399	399	0	0	395	4	
6	Xã Khánh Lâm	588	579	9	0	578	0	
7	Thị trấn U Minh	380	379	1	0	378	1	
8	Xã Khánh An	722	720	2	0	719	1	
<b>IV</b>	<b>Huyện Đầm Dơi</b>	<b>7,785</b>	<b>7,640</b>	<b>145</b>	<b>78</b>	<b>7,724</b>	<b>5</b>	
1	Thị trấn Đầm Dơi	304	304	0	8	304	0	
2	Xã Tân Thuận	625	622	3	6	621	0	
3	Xã Tân Đức	75	74	1	0	74	0	
4	Xã Trần Phán	560	560	0	0	559	0	
5	Xã Tạ An Khương	404	400	4	0	399	1	
6	Xã Tạ An Khương Nam	804	804	0	16	804	0	
7	Xã Tạ An Khương Đông	173	173	0	0	173	0	
8	Xã Tân Duyệt	500	496	4	12	496	0	

STT	Tên đơn vị	Tổng số hồ sơ phải xử lý	Số hồ sơ tiếp nhận trong quý	Số hồ sơ tồn chuyển sang	Số hồ sơ nộp trực tuyến	Số hồ sơ xử lý đúng hạn	Số hồ sơ xử lý trễ hạn	Ghi chú
9	Xã Quách Phẩm	877	877	0	14	874	0	
10	Xã Quách Phẩm Bắc	152	152	0	1	152	0	
11	Xã Tân Tiến	843	829	14	10	836	1	
12	Xã Thanh Tùng	628	626	2	9	626	0	
13	Xã Ngọc Chánh	1,349	1,254	95	2	1,328	0	
14	Xã Tân Trung	88	74	14	0	84	3	
15	Xã Nguyễn Huân	189	188	1	0	188	0	
16	Xã Tân Dân	214	207	7	0	206	0	
<b>V</b>	<b>Huyện Phú Tân</b>	<b>6,966</b>	<b>6,931</b>	<b>35</b>	<b>57</b>	<b>6,923</b>	<b>1</b>	
1	Thị trấn Cái Đôi Vàm	1,263	1,253	10	1	1,254	0	
2	Xã Phú Mỹ	447	447	0	9	447	0	
3	Xã Phú Tân	1,037	1,036	1	0	1,036	0	
4	Xã Tân Hải	960	947	13	4	944	0	
5	Xã Việt Thắng	445	437	8	0	438	0	
6	Xã Tân Hưng Tây	870	870	0	41	870	0	
7	Xã Nguyễn Việt Khái	523	522	1	0	521	0	
8	Xã Phú Thuận	1,073	1,073	0	0	1,071	1	
9	Xã Rạch Chèo	348	346	2	2	342	0	
<b>VI</b>	<b>Huyện Thới Bình</b>	<b>5,430</b>	<b>5,398</b>	<b>32</b>	<b>525</b>	<b>5,374</b>	<b>4</b>	
1	Thị trấn Thới Bình	833	832	1	95	832	0	
2	Xã Biển Bạch	239	220	19	40	239	0	
3	Xã Biển Bạch Đông	1,119	1,118	1	72	1,118	0	
4	Xã Tân Bằng	301	297	4	79	286	2	
5	Xã Trí Phải	355	355	0	0	355	0	
6	Xã Trí Lực	222	222	0	0	222	0	
7	Xã Tân Phú	413	413	0	9	413	0	
8	Xã Thới Bình	280	279	1	8	278	0	
9	Xã Tân Lộc	496	493	3	48	465	0	
10	Xã Tân Lộc Bắc	360	359	1	163	359	0	
11	Xã Tân Lộc Đông	326	326	0	5	326	0	
12	Xã Hồ Thị Kỷ	486	484	2	6	481	2	
<b>VII</b>	<b>Huyện Cái Nước</b>	<b>7,146</b>	<b>7,078</b>	<b>68</b>	<b>12</b>	<b>7,048</b>	<b>18</b>	
1	Thị trấn Cái Nước	1,106	1,097	9	0	1,091	2	
2	Xã Thạnh Phú	607	602	5	0	590	4	
3	Xã Lương Thế Trân	973	972	1	0	972	0	
4	Xã Phú Hưng	545	537	8	1	531	5	
5	Xã Tân Hưng	924	924	0	7	924	0	

STT	Tên đơn vị	Tổng số hồ sơ phải xử lý	Số hồ sơ tiếp nhận trong quý	Số hồ sơ tồn chuyển sang	Số hồ sơ nộp trực tuyến	Số hồ sơ xử lý đúng hạn	Số hồ sơ xử lý trễ hạn	Ghi chú
6	Xã Hưng Mỹ	476	462	14	0	469	3	
7	Xã Tân Hưng Đông	173	173	0	3	173	0	
8	Xã Trần Thới	960	951	9	0	944	1	
9	Xã Đông Thới	267	264	3	0	265	0	
10	Xã Hòa Mỹ	945	941	4	0	942	0	
11	Xã Đông Hưng	170	155	15	1	147	3	
<b>VIII</b>	<b>Huyện Năm Căn</b>	<b>1,604</b>	<b>1,593</b>	<b>11</b>	<b>2</b>	<b>1,590</b>	<b>4</b>	
1	Thị trấn Năm Căn	564	564	0	1	564	0	
2	Xã Hàm Rồng	86	84	2	0	84	0	
3	Xã Đất Mới	83	83	0	0	82	0	
4	Xã Hàng Vịnh	226	226	0	1	225	1	
5	Xã Hiệp Tùng	297	291	6	0	290	2	
6	Xã Tam Giang	99	99	0	0	99	0	
7	Xã Tam Giang Đông	147	146	1	0	146	1	
8	Xã Lâm Hải	102	100	2	0	100	0	
<b>IX</b>	<b>Huyện Trần Văn Thời</b>	<b>18,619</b>	<b>18,116</b>	<b>503</b>	<b>28</b>	<b>17,974</b>	<b>166</b>	<b>0</b>
1	Thị trấn Trần Văn Thời	6,207	6,168	39	2	6,176	3	
2	Thị trấn Sông Đốc	639	592	47	0	542	69	
3	Xã Phong Lạc	334	314	20	0	327	5	
4	Xã Phong Điền	865	822	43	0	841	3	
5	Xã Lợi An	915	868	47	0	868	2	
6	Xã Khánh Lộc	780	727	53	0	745	27	
7	Xã Khánh Hải	572	504	68	0	439	37	
8	Xã Khánh Hưng	1,308	1,300	8	1	1,257	5	
9	Xã Trần Hợi	1,682	1,654	28	0	1,662	1	
10	Xã Khánh Bình	717	633	84	0	698	9	
11	Xã Khánh Bình Tây Bắc	554	540	14	0	532	0	
12	Xã Khánh Bình Tây	1,576	1,544	32	25	1,506	2	
13	Xã Khánh Bình Đông	2,470	2,450	20	0	2,381	3	



Phụ lục 3


**BẢNG SỐ LIỆU CHI TIẾT KẾT QUẢ SỬ DỤNG PHẦN MỀM VIC VÀ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**



(Kèm theo Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên cơ quan	Văn bản đến		Tỷ lệ	Văn bản đi		Tỷ lệ	Tỷ lệ CBCC sử dụng VIC thường xuyên	Hoạt động Cổng/Trang TTĐT					
		Thực tế	VIC		Thực tế	VIC			Tin tức, sự kiện, tin, bài, hình ảnh	Thông tin chỉ đạo, điều hành	Lịch làm việc của lãnh đạo (Hàng tuần)	Số TTHC đăng tải (số liệu đơn vị báo cáo)	Số TTHC công bố (số liệu đơn vị báo cáo)	Số TTHC đăng tải (số liệu do Sở TT&T kiểm tra)
<b>I</b>	<b>CẤP TỈNH</b>	<b>81,287</b>	<b>81,207</b>	<b>100%</b>	<b>30,577</b>	<b>30,445</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>1985</b>	<b>986</b>		<b>1,611</b>	<b>1,629</b>	<b>1,580</b>
1	Văn phòng UBND tỉnh	14116	14116	100%	5841	5841	100%	100%	230	77	Đầy đủ	0	0	0
2	Sở Nội vụ	4801	4801	100%	871	871	100%	100%	383	83	Đầy đủ	140	147	140
3	Sở Tư pháp	3479	3479	100%	1164	1164	100%	100%	79	186	Đầy đủ	140	151	140
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	5212	5212	100%	1487	1487	100%	100%	13	3	Đầy đủ	135	135	135
5	Sở Tài chính	7513	7513	100%	2689	2689	100%	100%	34	40	Đầy đủ	39	39	39
6	Sở Công thương	3393	3393	100%	1469	1469	100%	100%	18	5	Đầy đủ	124	124	124

TT	Tên cơ quan	Văn bản đến		Tỷ lệ	Văn bản đi		Tỷ lệ	Tỷ lệ CBCC sử dụng VIC thường xuyên	Hoạt động Công/Trang TTĐT					
		Thực tế	VIC		Thực tế	VIC			Tin tức, sự kiện, tin, bài, hình ảnh	Thông tin chi đạo, điều hành	Lịch làm việc của lãnh đạo (Hàng tuần)	Số TTHC đăng tải (số liệu đơn vị báo cáo)	Số TTHC công bố (số liệu đơn vị báo cáo)	Số TTHC đăng tải (số liệu do Sở TT&T T kiểm tra)
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4862	4841	100%	2848	2738	96%	100%	115	20	Đầy đủ	113	113	97
8	Sở Giao thông Vận tải	3389	3389	100%	1665	1665	100%	100%	13	11	Đầy đủ	122	122	119
9	Sở Xây dựng	2160	2160	100%	742	742	100%	100%	19	0	Đầy đủ	40	40	43
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	5192	5192	100%	2135	2135	100%	100%	13	74	Đầy đủ	111	111	111
11	Sở Lao động, TB & Xã hội	5217	5217	100%	1597	1597	100%	94%	47	54	Đầy đủ	114	114	114
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4320	4320	100%	2374	2374	100%	98%	191	151	Đầy đủ	120	120	110
13	Sở Khoa học & Công nghệ	2127	2127	100%	649	649	100%	100%	108	35	Đầy đủ	61	61	61
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	2836	2836	100%	1294	1294	100%	100%	470	155	Đầy đủ	80	80	80
15	Sở Y tế	2614	2614	100%	1329	1329	100%	100%	61	29	Đầy đủ	172	172	167
16	Sở Thông tin và Truyền thông	3266	3266	100%	710	710	100%	100%	40	1	Đầy đủ	37	37	37

TT		Văn bản đến		Tỷ lệ	Văn bản đi		Tỷ lệ	Tỷ lệ CBCC sử dụng VIC thường xuyên	Hoạt động Công/Trang TTĐT					
		Thực tế	VIC		Thực tế	VIC			Tỷ lệ	Tin tức, sự kiện, tin, bài, hình ảnh	Thông tin chỉ đạo, điều hành	Lịch làm việc của lãnh đạo (Hàng tuần)	Số TTHC đăng tải (số liệu đơn vị báo cáo)	Số TTHC công bố (số liệu đơn vị báo cáo)
17	Sở Ngoại vụ	1852	1795	97%	506	490	97%	100%	10	6	Đăng đầy đủ	4	4	4
18	Thanh Tra tỉnh	1858	1855	100%	296	296	100%	100%	96	8	Đăng đầy đủ	10	10	10
19	Ban Dân tộc	1569	1569	100%	365	365	100%	100%	27	20	Đăng đầy đủ	2	2	2
20	Ban Quản lý Khu kinh tế	1511	1512	100%	546	540	99%	100%	18	28	Đăng đầy đủ	47	47	47
<b>II</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>	<b>131,524</b>	<b>127,874</b>	<b>97%</b>	<b>35,109</b>	<b>32,716</b>	<b>93%</b>	<b>99%</b>	<b>790</b>	<b>392</b>				
1	Thành phố Cà Mau	28177	27856	99%	10362	9980	96%	93%	134	27	Đăng đầy đủ	307	307	307
2	Cái Nước	9,624	8,972	93%	1872	1735	93%	100%	127	24	Đăng đầy đủ	334	334	334
3	Năm Căn	12,332	11,956	97%	3162	2958	94%	98%	64	52	Đăng đầy đủ	317	317	317
4	Thới Bình	19,118	18,736	98%	4,830	4610	95%	100%	42	25	Đăng đầy đủ	339	339	332
5	Đầm Dơi	16,618	16,033	96%	5,286	4,899	93%	97%	83	24	Đăng đầy đủ	311	311	308
6	Phú Tân	18,834	18,047	96%	5037	4676	93%	99%	169	141	Đăng đầy đủ	308	308	308

TT	Tên cơ quan	Văn bản đến		Tỷ lệ	Văn bản đi		Tỷ lệ	Tỷ lệ CBCC sử dụng VIC thường xuyên	Hoạt động Công/Trang TTĐT					
		Thực tế	VIC		Thực tế	VIC			Tin tức, sự kiện, tin, bài, hình ảnh	Thông tin chỉ đạo, điều hành	Lịch làm việc của lãnh đạo (Hàng tuần)	Số TTHC đăng tải (số liệu đơn vị báo cáo)	Số TTHC công bố (số liệu đơn vị báo cáo)	Số TTHC đăng tải (số liệu do Sở TT&T T kiểm tra)
7	Trần Văn Thời	16,156	15,915	99%	6,195	5,211	84%	100%	72	19	Đăng đầy đủ	317	317	336
8	U Minh	22,179	21,807	98%	5,666	5,587	99%	99%	82	63	Đăng đầy đủ	328	328	328
9	Ngọc Hiển	16,663	16,408	98%	3,061	3,040	99%	100%	87	17	Đăng đầy đủ	331	331	331